

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204 /2018/HS-ST
Ngày 08-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

2. Ông Bùi Kim Châu Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 186 /2018/HSST ngày 10 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2018/HSST-QĐ ngày 25/7/2018 đối với các bị cáo:

1. Bùi Quang S, sinh năm 1998 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: Khu phố 5, phường Đ quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Khu phố Đ3, phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Bùi Văn D (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Thu S1, sinh năm 1965; bị cáo có 02 anh ruột; tiền sự, tiền án: Không có. Bị bắt tạm giam ngày 17/3/2018, có mặt.

2. Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1997 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: Tổ 8 khu phố 4 phường P, Quận 9 Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Khu phố Đ3 phường B thị xã K, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1965 và con bà Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1967; tiền sự, tiền án: Không có. Bị bắt tạm giam ngày 17/3/2018 đến ngày 26/03/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, có mặt.

Bị hại:

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; thường trú: Thôn H3 xã H, huyện L, tỉnh Quảng Trị; tạm trú: Khu phố Đ2, phường B, thị xã K tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án : Bà Nguyễn Thị Thu S1, sinh năm 1965; địa chỉ: Khu phố Đ3, phường B thị xã K, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992; tạm trú: Khu phố Đ2, phường B, thị xã K tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 17/3/2018, bị cáo Bùi Quang S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, biển số 59X2-486.23 của bà Nguyễn Thị Thu S1 (mẹ S) chở bị cáo Nguyễn Thị Thanh P từ địa bàn Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh về phòng ở trọ của P, S và bà S1. Khi lưu thông trên đường Trần Thị Vũng thuộc tổ 15A khu phố Bình Đường 3, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, phía trước xe S điều khiển có chị Nguyễn Thị N điều khiển xe mô tô biển số 74B1 -150.10 chở chị Nguyễn Thị H, chị H cầm 01 ví da nữ màu đen (ví để trên yên xe ở giữa chị N và H ngồi), S điều khiển xe đi chậm đi phía sau xe chị N, P nói S “ sao không chạy về mà chạy từ từ như vậy”, S trả lời “để giật giỏ xách của hai con nhỏ kia”, P nói “gần nhà nhớ đâu Camera quay được thì sao, thôi về đi”, S tăng ga áp sát phía bên phải xe mô tô chị N điều khiển, dùng tay trái giật chiếc ví da tẩu thoát, trên đường tẩu thoát S đưa ví da cho P cầm. Về đến phòng ở trọ P đưa ví da cho S, S mở ví có tiền nhiều, P nói “cho mẹ tiền trả tiền nhà trọ tháng này” S đưa P 1.100.000 đồng để đưa cho bà Nguyễn Thị Thu S1. S, P cầm số tiền còn lại mua 01 điện thoại di động hiệu Ite1 S31 Rose Gold giá 1.570.000 đồng, S đổ xăng 50.000 đồng, trả nợ chị Nguyễn Thị O 50.000 đồng, mua 7 thẻ card điện thoại có mệnh giá từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng, trả nợ cho người tên Bò (không rõ nhân thân) số tiền 700.000 đồng.

Sau khi bị giật ví, chị H truy hô anh Trần Kim Q, Nguyễn Huỳnh Nhật T truy đuổi xe S, xác định S và P về phòng ở trọ tại 93/17 khu phố Bình Đường 3, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, sau đó chị H làm đơn trình báo Công an phường An Bình, thị xã Dĩ An.

Vào lúc 23 giờ 30 phút, ngày 17/3/2018 lực lượng Công an phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương kiểm tra hành chính phòng trọ số 2 dãy trọ số 93/17 khu phố Bình Đường 3, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương nơi thuê trọ của bị cáo S, P và bà S1 thu giữ vật chứng:

+ 01 ví da màu đen nhãn hiệu Juno của chị H bên trong có 3.310.000 đồng, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 02 thẻ ATM mang tên Nguyễn Thị H.

+ 01 ví nữ màu kem hiệu CG bên trong có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển số 72F1-455.95, 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank, 01 phiếu cầm đồ mang tên Hoàng Phan Quỳnh N, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị D, 01 balo màu đen không có nhãn hiệu

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, biển số 59X2 - 486.23.

+ 04 thẻ card điện thoại có mệnh giá 50.000 đồng/1 thẻ; 03 thẻ card có mệnh giá 20.000 đồng/ thẻ.

Kết luận định giá tài sản số 115/BB.ĐG ngày 04/5/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Dĩ An kết luận ví da nữ hiệu Juno, màu đen, đã qua sử dụng trị giá 100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo S chiếm đoạt của chị H 7.180.000 đồng.

Cáo trạng số 197/CT-VKS ngày 09/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Bùi Quang S về tội “Cướp giật tài sản”, theo quy định điểm d, khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Thị Thanh P về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo S từ 4 năm đến 5 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo P từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại H yêu cầu nhận lại điện thoại di động, card điện thoại do bị cáo S, P sử dụng tiền chiếm đoạt của chị H để mua, ngoài ra chị H không yêu cầu bồi thường gì khác. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chị H 01 điện thoại di động hiệu ITEL S31 Rose Gold và 7 thẻ card điện thoại.

Về vật chứng khác quá trình điều tra thu giữ đã trả lại bị hại H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan S1 và chuyển giao Công an quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh điều tra theo thẩm quyền.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án các bị cáo nói lời sau cùng:

+ Bùi Quang S: Biết hành vi của mình làm là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án thấp nhất cho bị cáo.

+ Nguyễn Thị Thanh P: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án thấp nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa bị cáo Bùi Quang S, Nguyễn Thị Thanh P khai nhận khoảng 19 giờ ngày 17/3/2018, bị cáo Bùi Quang S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, biển số 59X2 - 486.23 chở bị cáo Nguyễn Thị Thanh P

lưu thông trên đường Trần Thị Vũng thuộc tổ 15A khu phố Bình Đường 3, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương gặp chị Nguyễn Thị N điều khiển xe mô tô, biển số 74B1 -150.10 chở chị Nguyễn Thị H, chị H cầm 01 ví da nữ màu đen, S điều khiển xe đi chậm đi phía sau chị N, P nói S “sao không chạy về mà chạy từ từ như vậy”, S trả lời “để giật giỏ xách của hai con nhỏ kia”, P nói “gần nhà nhờ đâu Camera quay được thì sao, thôi về đi”, S tăng ga áp sát phía bên phải xe mô tô chị N điều khiển dùng tay trái giật chiếc ví da chị H cầm trên tay tẩu thoát, trên đường tẩu thoát S đưa ví da cho P cầm. Khi về đến phòng trọ P đưa ví da cho S, S mở ví có tiền, P nói “ cho mẹ tiền trả tiền nhà trọ tháng này” S đưa P 1.100.000 đồng để đưa bà Nguyễn Thị Thu S1. Sau đó S, P cầm số tiền còn lại mua 01 điện thoại di động hiệu Itel S31 Rose Gold, đồ xăng, trả nợ và mua thẻ card điện thoại. Tổng tài sản bị cáo S chiếm đoạt của chị H có trị giá 7.180.000 đồng.

Tại Điều 171. Tội cướp giật tài sản, Bộ luật hình sự quy định.

1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm;

a) Có tổ chức;

...

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

Tại Điều 323: Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Như vậy, bị cáo S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, biển số 59X2 - 486.23 sau đó dùng tay trái giật 01 ví da của chị Nguyễn Thị H đang ngồi trên xe mô tô biển số 74B1 -150.10 vào ngày 17/3/2018. Hành vi trên của bị cáo S đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, do bị cáo S điều khiển xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ giật tài sản của chị H, do vậy thuộc tình tiết định khung (Dùng thủ đoạn nguy hiểm) thuộc điểm d, khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh P, biết bị cáo S giật tài sản ví da của chị H, sau khi về kiểm tra trong ví có tiền, bị cáo P cùng S sử dụng số tiền trên để mua điện thoại, đồ xăng, mua thẻ card điện thoại. Hành vi trên của bị cáo P đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Bản cáo trạng số 197/CT – VKS ngày 9/7/2018 của Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo S về tội “Cướp giật tài sản”, bị cáo P về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên ngày hôm nay đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ tội phạm: Tội phạm do bị cáo S thực hiện là rất nghiêm trọng, bị cáo P thực hiện là ít nghiêm trọng, bị cáo S, P là người có năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo thực hiện phạm tội một cách cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo ngoài việc xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị H được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội tại địa phương, hành vi tiêu thụ tài sản của bị cáo P góp phần làm cho tội phạm hình sự gia tăng. Do vậy, hành vi trên của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh. Tuy nhiên Hội đồng xét xử cũng xét đến tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội cũng như có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo S, P không có

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo P phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo S, P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tình tiết trên được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo S, P có nhân thân tốt thể hiện việc các bị cáo không có tiền án, tiền sự. Các bị cáo nhất thời phạm tội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị H đã nhận được tài sản bị chiếm đoạt gồm 01 ví da màu đen nhãn hiệu Juno; 4.410.000 đồng; 01 giấy phép lái xe; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 thẻ bảo hiểm y tế; 02 thẻ ATM. Chị H yêu cầu được nhận lại điện thoại di động, card điện thoại do bị cáo S, P sử dụng tiền chiếm đoạt từ chị H để mua và không yêu cầu gì khác. Xét, yêu cầu chị H đưa ra không trái pháp luật do vậy được chấp nhận.

Ngoài ra quá trình truy đuổi S, P bị hại H bị rơi mất điện thoại di động hiệu Oppo F1s trị giá 1.600.000 đồng, chị H không có yêu cầu bồi thường. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với vật chứng thu giữ 01 ví nữ màu kem hiệu CG bên trong có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển số 72F1-455.95, 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank, 01 phiếu cầm đồ mang tên Hoàng Phan Quỳnh N, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị D, 01 ba lô màu đen không có nhãn hiệu, vật chứng liên quan đến việc bị cáo S chiếm đoạt tại địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Công an thị xã Dĩ An chuyển giao Công an quận Thủ Đức điều tra theo thẩm quyền là phù hợp pháp luật.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, biển số 59X2 - 486.23 đây là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu S1, quá trình điều tra đã trả bà S1 là phù hợp.

[6] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, mức hình phạt đối với bị cáo P cũng như việc xử lý vật chứng. Xét quan điểm trên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận. Riêng mức hình phạt đối với bị cáo S có phần nghiêm khắc. Do vậy, Hội đồng xét xử xử mức hình phạt bị cáo S thấp hơn mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[7] Án phí sơ thẩm: Bị cáo S, P phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Quang S phạm tội Cướp giật tài sản; bị cáo Nguyễn Thị Thanh P phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

1.1 Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự .

Xử phạt bị cáo Bùi Quang S 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/3/2018.

1.2 Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh P 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được tính trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/3/2018 đến ngày 26/3/2018.

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tuyên trả cho bị hại Nguyễn Thị H: 01 (một) điện thoại di động hiệu IteI Rose Gold màu hồng đã qua sử dụng, số IMEI 351648090990723; 02 (hai) thẻ card điện thoại Mobifone mệnh giá 50.000 đồng; 02 (hai) thẻ card điện thoại Viettel mệnh giá 50.000 đồng; 03 (ba) thẻ card điện thoại Mobifone mệnh giá 20.000 đồng. Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự ; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Các bị cáo S, P mỗi người phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã;
- Công an thị xã;
- Chi cục THA dân sự thị xã;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Linh